

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 20/4/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui  
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Cảnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Tôn Văn Hùng**.

2. Bà **Trần Thị Tuyết Mai**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Tăng Thị Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* (không có)

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS ngày 22/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu phố T, phường NM, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1978.

Ông **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu phố M, phường NM, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Bà A xin vắng mặt; bà L, ông V vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị A trình bày:*

Nguyên trước đây bà có tham gia góp hui với 04 dây hui của vợ chồng bà L, ông V làm đầu thảo (chủ hui) gồm:

Dây hui thứ nhất: Hui 2.000.000 đồng khai ngày 30/01/2019 bà tham gia 01 phần, có 17 phần, 01 tháng mở hui một kỳ, bà đã góp hui được 8 kỳ hui thì vợ chồng bà L, ông V tuyên bố vỡ hui. Tính tiền hui và lãi thì vợ chồng bà L, ông V nợ bà 16.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Hội 200.000 đồng khai ngày 15/01/2019 bà tham gia 02 phần, đã góp được 8 kỳ hội thì vợ chồng bà L, ông V tuyên bố vỡ hội. Tính tiền hội và lãi thì vợ chồng bà L, ông V nợ bà 6.400.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Hội 1.000.000 đồng khai ngày 25/08/2018 bà tham gia 01 phần, đã góp được 13 kỳ hội thì vợ chồng bà L, ông V tuyên bố vỡ hội. Tính tiền hội và lãi thì vợ chồng bà L, ông V nợ bà 13.000.000 đồng.

Dây hội thứ tư: Hội 1.000.000 đồng khai ngày 20/10/2018 bà tham gia 01 phần, đã góp được 11 kỳ hội thì vợ chồng bà L, ông V tuyên bố vỡ hội. Tính tiền hội và lãi thì vợ chồng bà L, ông V nợ bà 11.000.000 đồng.

Đến ngày 10/3/2020 vợ chồng bà L, ông V có đến vay bà số tiền 19.300.000 đồng, có viết biên nhận nợ làm tin, không có lãi, hứa trả 9.300.000 đồng trong vòng 01 tháng và 10.000.000 đồng còn lại trả trong vòng 03 tháng tiếp theo nhưng đến nay vợ chồng bà L, ông V chưa trả tiền vay cho bà.

Tổng số tiền hội và tiền vay vợ chồng bà L, ông V còn nợ bà là 65.700.000 đồng.

Mặc dù bà đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng phía vợ chồng bà L và ông V không trả tiền mà cứ hứa lần lựa kéo dài thời gian gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của bà.

Nay bà yêu cầu buộc bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Tấn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng số tiền hội và vay 65.700.000 đồng và trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Tấn V không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A mặc dù Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng qui định của pháp luật.*

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/3/2021, bà A xin rút yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà L, ông V trả số tiền nợ hội 46.400.000 đồng. Nay bà chỉ yêu cầu bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Tấn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay 19.300.000 đồng và trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Thị A có đơn xin vắng mặt.

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Tấn V vắng mặt không rõ lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Trần Thị A rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà L, ông V trả số tiền nợ hội 46.400.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Nguyên đơn là bà Trần Thị A có đơn xin vắng mặt phù hợp quy định pháp luật.

Bị đơn là bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Tấn V vắng mặt. Xét thấy, bị đơn là bà L và ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông V là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà A đã cung cấp chứng cứ là bản chính biên nhận nợ ngày 10/3/2020 xác định số tiền mà bà L và ông V còn nợ là 19.300.000 đồng. Xét thấy, giữa bà A với bà L và ông V đã xác lập giao dịch vay tiền, có kỳ hạn, không có lãi, theo đó bà A đã giao đủ tiền cho bà L. Tuy nhiên, từ ngày 10/7/2020 cho đến nay, bà A yêu cầu bà L và ông V thanh toán tiền nhiều lần nhưng bà L và ông V không thanh toán số tiền còn nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà A. Mặt khác, Tòa án đã sao chụp các chứng cứ tài liệu nêu trên và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật gửi cho bà L và ông V nhưng ông bà cũng không có ý kiến phản đối, phản bác đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ mà bà A đưa ra. Như vậy, bà L và ông V mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện cùng chứng cứ do phía bà A đưa ra là đúng. Do đó, đủ cơ sở xác định buộc bà L và ông V trả số tiền 19.300.000 đồng cho bà A là phù hợp.

[3] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 92, 218, 227, 228 và 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A.

Buộc bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Tấn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị A số tiền vay 19.300.000 đồng.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành, nếu bà L và ông V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A buộc bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Tấn V trả tiền cho bà A số tiền nợ hui 46.400.000 đồng.

Bà Trần Thị A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

Hoàn lại cho bà Trần Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.642.000 đồng theo biên lai thu số 0006589 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Tấn V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 965.000 đồng.

*Về quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Nguyễn Minh Cảnh**